TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Quốc Định.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Vinh.

2. Bà Hoàng Thị Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Bà Trần Thúy D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

***** *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thúy D trình bày:*

Bà Trần Thúy D (nguyên đơn) và ông Nguyễn Đức Q (bị đơn) tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, đến năm 2010 nguyên đơn và bị đơn có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đức T, do thời điểm đó nguyên đơn và bị đơn chưa đủ tuổi kết hôn và không tìm hiểu pháp luật nên mãi đến năm 2019 nguyên đơn và bị đơn mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 30/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Qua quá

trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bị đơn sống gia trưởng, thường xuyên đánh đập nguyên đơn vô cớ, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình nội ngoại hòa giải nhưng vẫn tiếp diễn, vì vậy nguyên đơn đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn B, xã E và đã sống ly thân với bị đơn từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 13/9/2010 và cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 18/3/2019. Từ khi nguyên đơn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì bị đơn và gia đình bị đơn cản trở không cho nguyên đơn thăm nom các cháu, nên sau khi ly hôn thì nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu đến tuổi thành niên. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi ý kiến và có nguyện vọng được nuôi cháu C còn cháu T thì nguyên đơn đồng ý giao cho bị đơn nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

** Theo các lời khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đức Q trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Qua quá trình chung sống với nhau, bị đơn cho rằng nguyên đơn sống thiếu trách nhiệm với các con, không chăm lo cho các con và đã nhiều lần bỏ nhà đi theo bạn bè, thường xuyên gây gỗ và có nhiều hành động làm ảnh hưởng đến tinh thần các con. Nhiều lần nguyên đơn không tôn trọng và lừa dối gia đình bị đơn làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình bị đơn. Nhận thấy, bản thân bị đơn không thể tiếp tục chung sống với nguyên đơn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn vì còn thương các con.

Về con chung: Qua quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 13/9/2010; cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 18/3/2019. Hiện tại các cháu đang chung sống với bị đơn và bị đơn cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi thành niên và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bị đơn không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 18/3/2019 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên; giao

cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 13/9/2010 cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn ông Nguyễn Đức Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 30/7/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên cải vã, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 13/9/2010; cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 18/3/2019, hiện tại các cháu đang sống với bị đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn có nguyên vọng được nuôi dưỡng cháu C, còn cháu T thì giao cho bị đơn nuôi dưỡng, vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con và nhu cầu tình cảm của các bên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Đức C cho nguyên đơn và giao cháu Nguyễn Đức T cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thúy D được ly hôn với ông Nguyễn Đức Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 13/9/2010 cho ông Nguyễn Đức Q và giao cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 18/3/2019 cho bà Trần Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thúy D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0017765 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bà Trần Thúy D đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Định